CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn CMH Việt Nam

Ngày 30/06/2025	7,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	-	-

DT thuần
Q2/25
79.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 22.1| 38.6%
YoY: ▲ 39.3| 98.1%

LN thuần
Q2/25
1.08
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.37| 184%
YoY: ▲ 0.30| 38.8%

LN sau thuế
Q2/25
1.55
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.66| -29.9%
YoY: ▼0.84| -35.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
0.2%
YoY: +/-▼ 11.0%

ROE (TTM)
Q2/25
2.2%
YoY: +/-▼ 0.3%

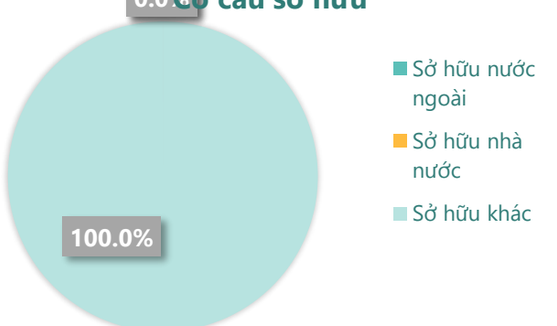
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,600 - 24,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	199
Số lượng CPLH (CP)	25,452,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	59,775
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.10
EPS	246
P/E	31.7

DT thuần
6T 2025
137
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 74.6| 119%

LN thuần
6T 2025
-0.21
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.73| -140%

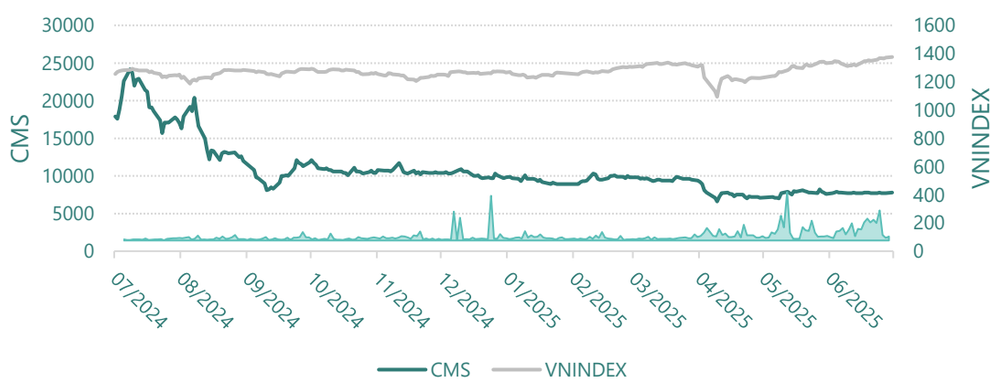
LN sau thuế
6T 2025
3.76
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.29| 52.3%

Cơ cấu sở hữu

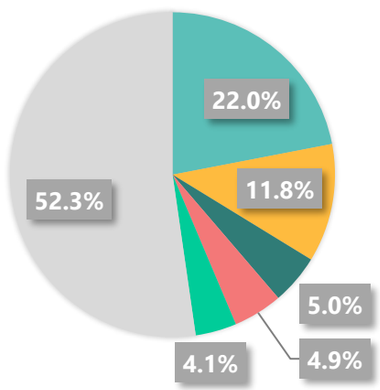


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

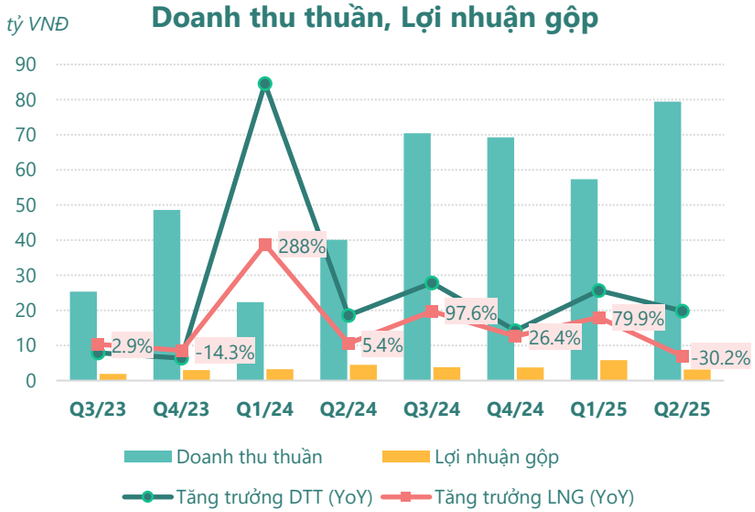


- Phạm Minh Phúc (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Anh Tú (Thành viên HĐQT)
- Phạm Văn Tùng
- Phạm Văn Xuyên
- Nguyễn Thúy Dung
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

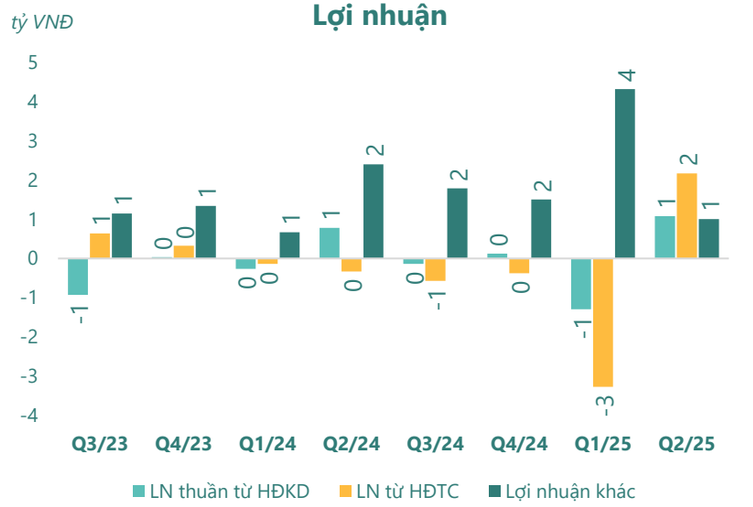
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



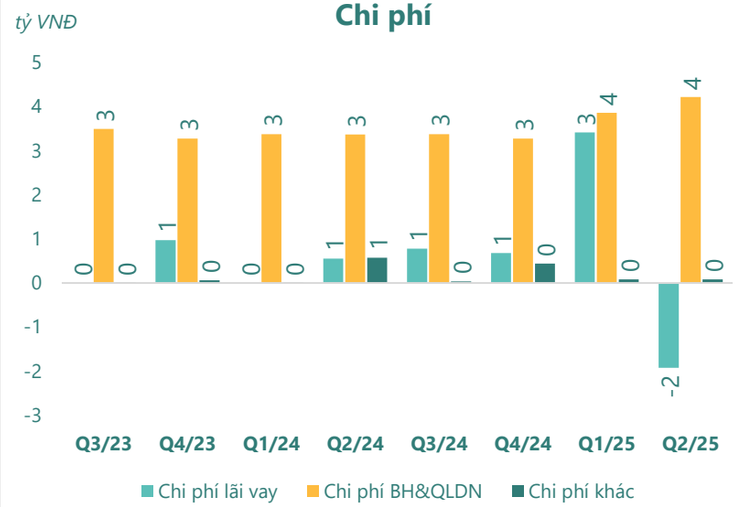
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



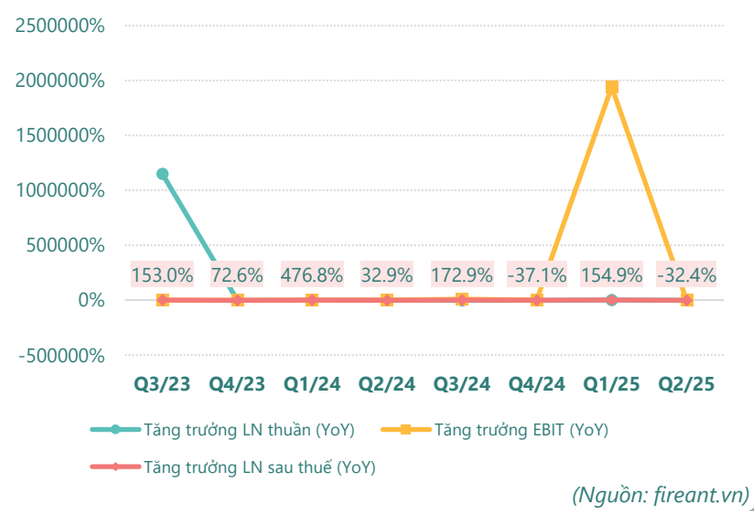
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



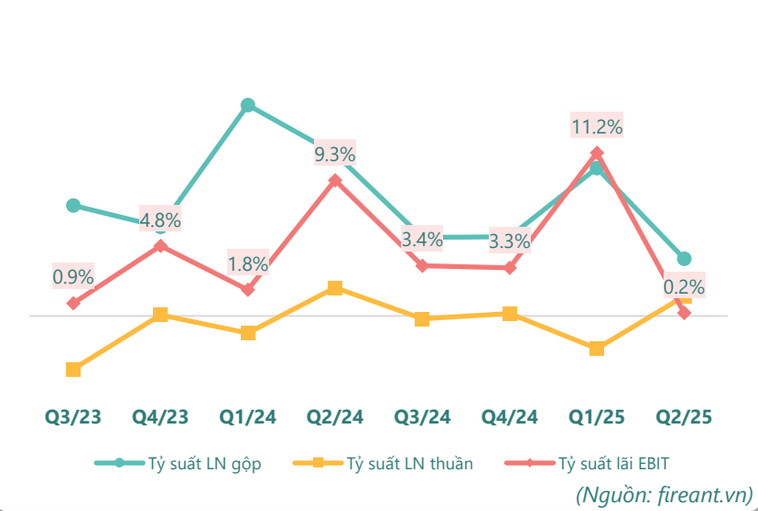
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



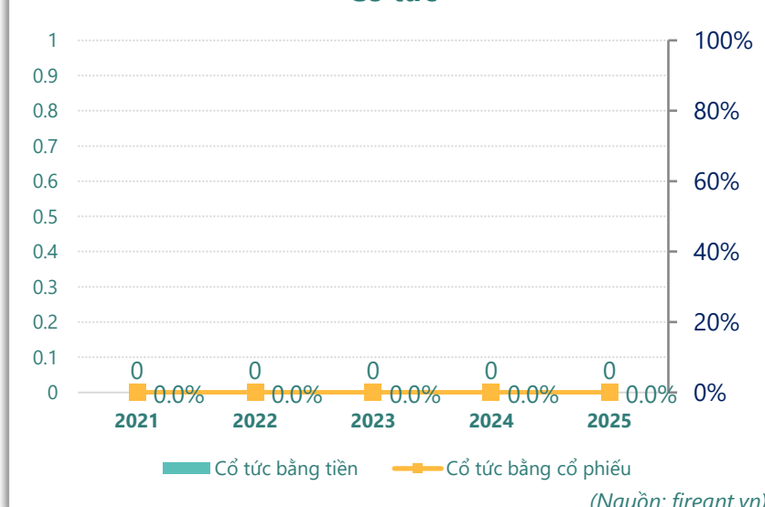
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

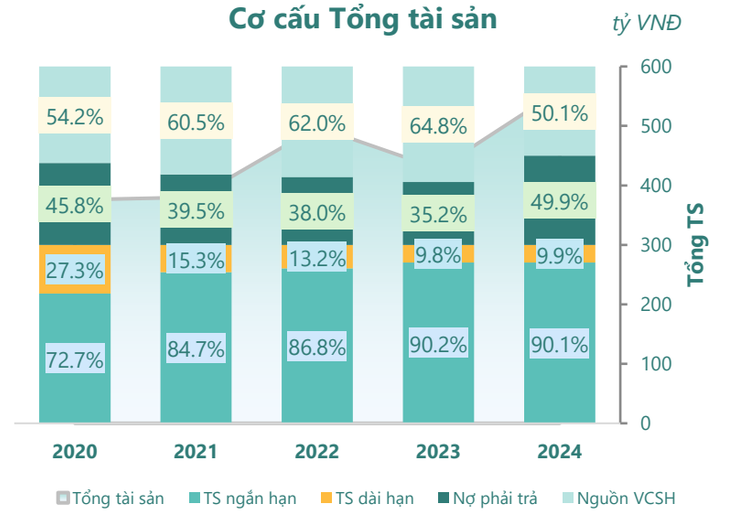
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

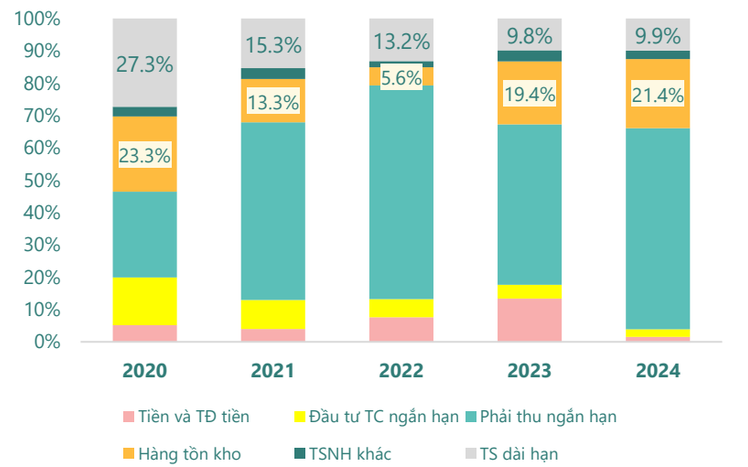
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



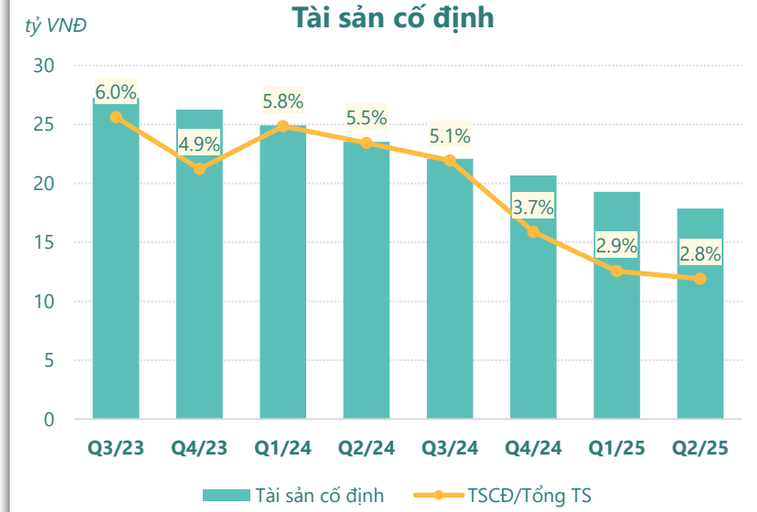
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



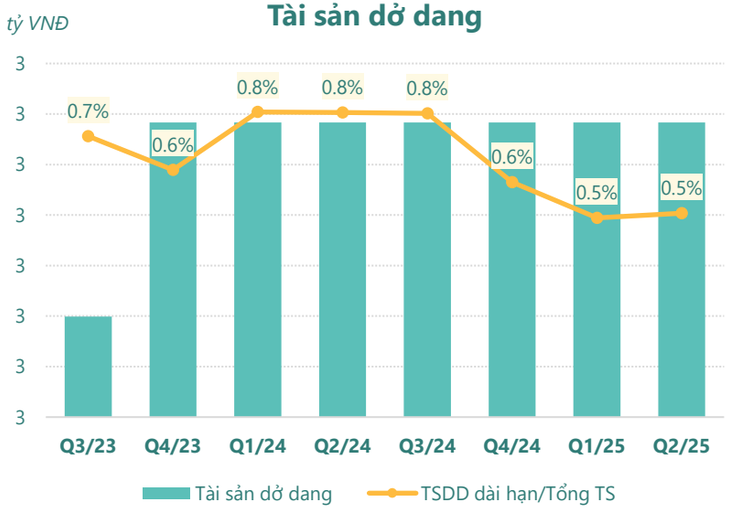
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



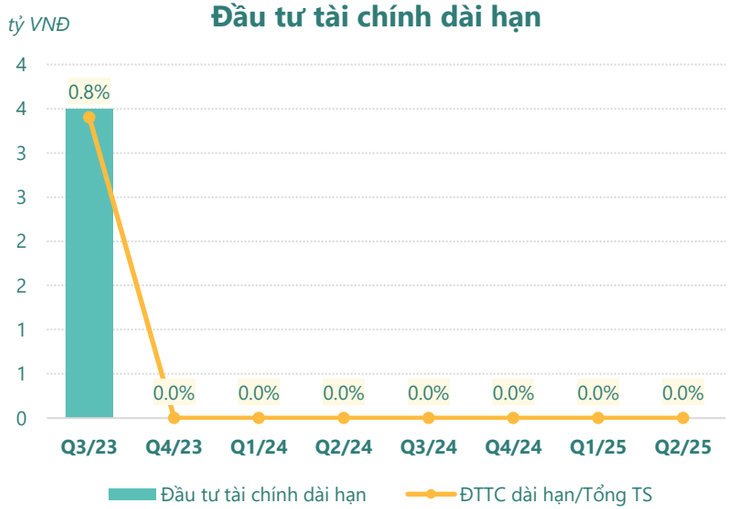
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



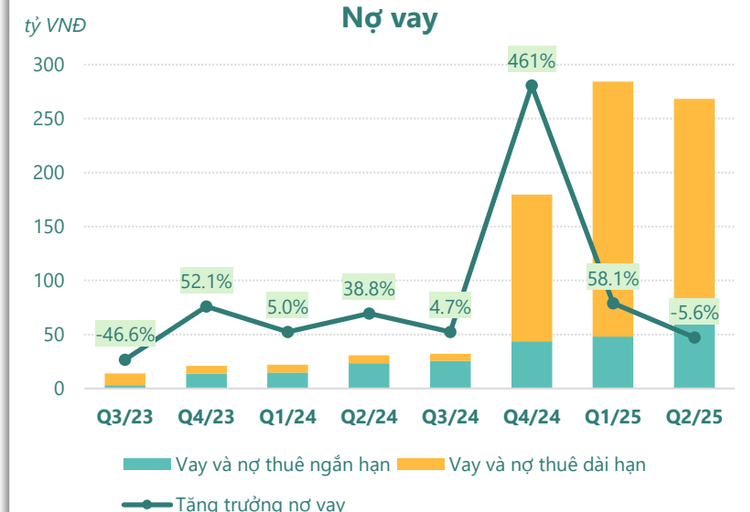
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

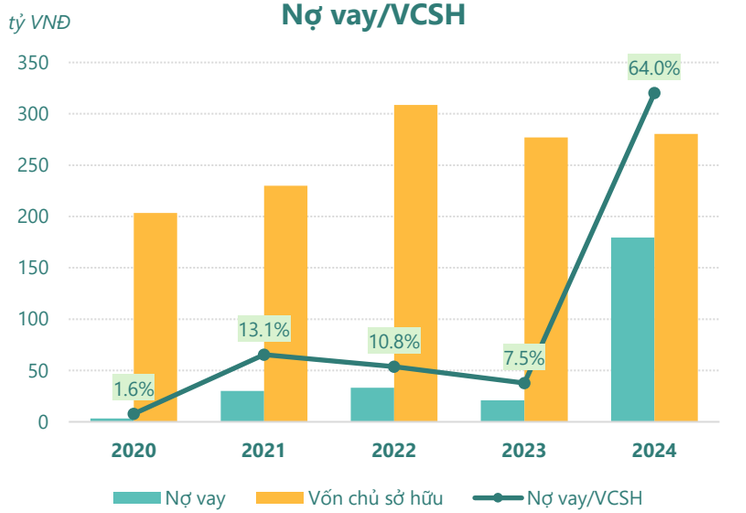
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

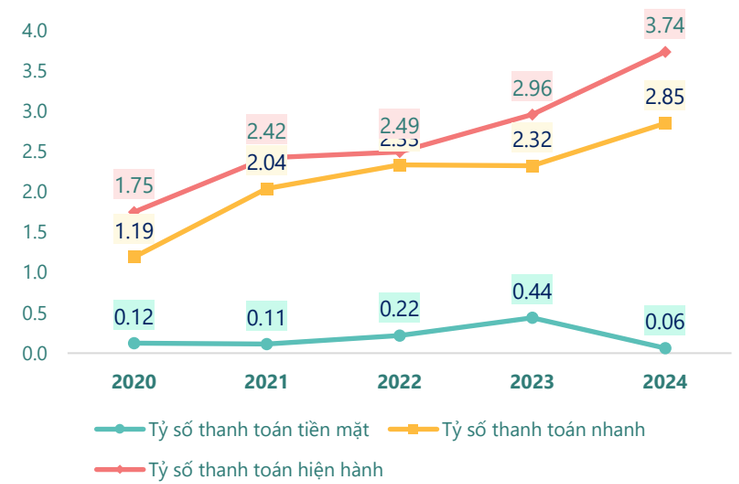
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



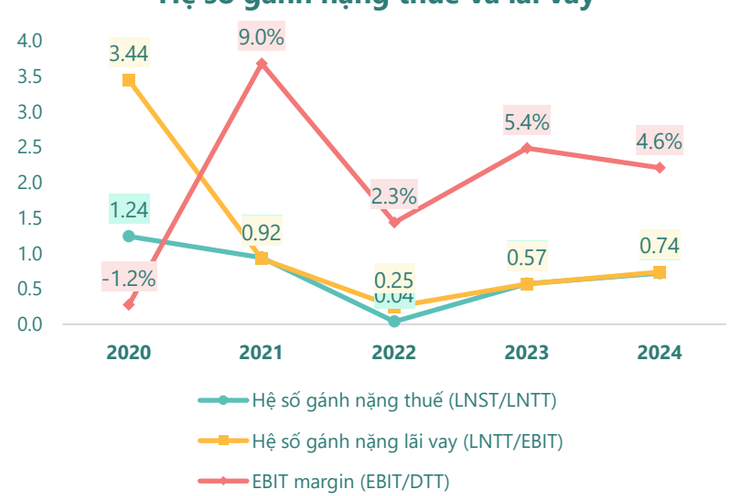
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



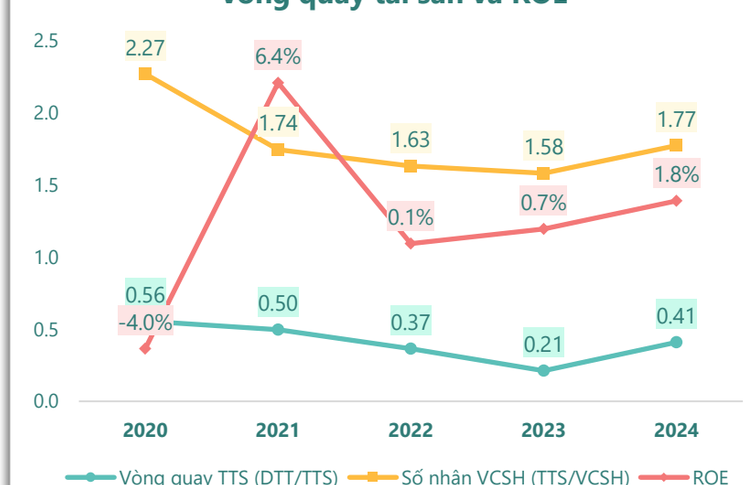
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



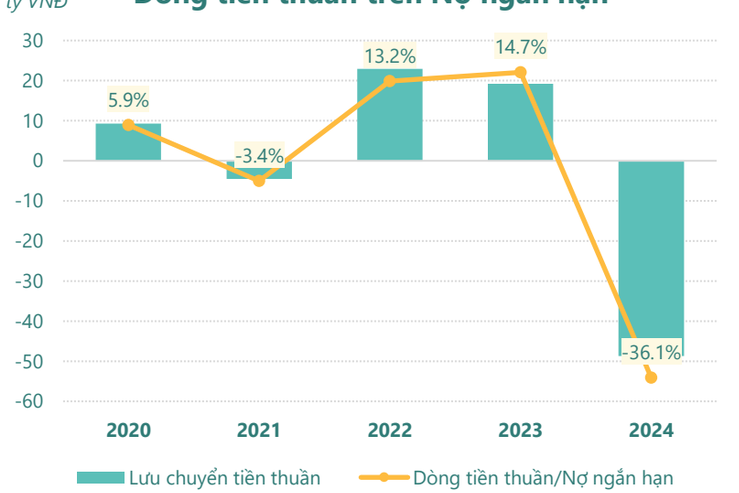
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**79.4**	**40.1**	**98.1%**	**137**	**62.4**	**119%**
Giá vốn hàng bán	76.3	35.6	114%	128	54.7	134%
Lợi nhuận gộp	3.13	4.48	-30.1%	8.97	7.73	16.1%
Doanh thu HĐTC	0.25	0.23	7.8%	0.39	0.52	-26.5%
Chi phí TC	-1.92	0.56	-443%	1.49	0.99	50.5%
Chi phí lãi vay	-1.92	0.56	-443%	1.49	0.56	169%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**4.22**	**3.37**	**25.2%**	**8.08**	**6.75**	**19.7%**
LN thuần từ HĐKD	1.08	0.78	38.8%	-0.21	0.52	-140%
Lợi nhuận khác	**1.01**	**2.40**	**-58.1%**	**5.33**	**3.07**	**73.3%**
LN trước thuế	2.09	3.19	-34.5%	5.12	3.59	42.5%
Lợi nhuận sau thuế	**1.55**	**2.39**	**-35.2%**	**3.76**	**2.47**	**52.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.63**	**2.46**	**-33.6%**	**3.93**	**2.61**	**50.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-10.2	-42.0	-6.55	-18.8	-10.9	36.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.01	10.8	0.79	7.23	-0.29	-0.39
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.05	6.88	0.86	16.0	3.20	-18.0
Tiền đầu kỳ	44.1	33.0	8.67	3.77	8.44	0.46
Lưu chuyển tiền thuần	**-11.1**	**-24.3**	**-4.91**	**4.38**	**-7.98**	**18.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	33.0	8.67	3.77	8.14	0.46	18.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**643**	**560**	**14.9%**
Tài sản ngắn hạn	590	504	17.0%
Tiền và tương đương tiền	18.3	8.44	117%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.7	13.3	18.0%
Phải thu ngắn hạn	471	349	35.2%
Hàng tồn kho	74.5	120	-37.8%
Tài sản ngắn hạn khác	10.5	14.5	-27.3%
Tài sản dài hạn	**53.1**	**55.7**	**-4.6%**
Phải thu dài hạn	30.8	23.4	31.6%
Tài sản cố định	17.9	20.7	-13.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.34	9.09	-63.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.51**	**1.59**	**-68.2%**
Lợi thế thương mại	0.62	0.93	-33.3%
Nợ phải trả	359	280	28.4%
Nợ ngắn hạn	**154**	**135**	**13.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	71.8	43.5	65.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	34.1	41.4	-17.5%
Nợ dài hạn	206	145	42.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	196	136	44.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**284**	**280**	**1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**284**	**280**	**1.3%**
Vốn điều lệ	255	255	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)